

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Danh sách các phòng chức năng

Các thiết bị đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng được sắp xếp vào các phòng chức năng phục vụ đào tạo, bao gồm:

- 1 Phòng học kỹ thuật cơ sở
- 2 Phòng học ngoại ngữ
- 3 Phòng thực hành máy vi tính
- 4 Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng
- 5 Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực
- 6 Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh
- 7 Phòng thực hành sản nhi và kế hoạch hóa gia đình
- 8 Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược
- 9 Phòng thực hành giải phẫu
- 10 Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng
- 11 Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng

2. Mô tả các phòng chức năng

2.1. Phòng học kỹ thuật cơ sở

Giảng dạy kiến thức các môn học chung, kiến thức lý thuyết của các môn học, mô đun của chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng. Đồng thời phòng lý thuyết có chức năng rèn luyện, phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, thuyết trình về kiến thức hiểu biết chung và kiến thức chuyên ngành. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 35 sinh viên.

2.2. Phòng thực hành ngoại ngữ

Phòng ngoại ngữ là phòng dùng để dạy và học ngoại ngữ (tiếng nước ngoài) trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phòng được trang bị các thiết bị hiển thị hình ảnh, phát âm thanh, ghi âm và các loại học liệu để học và thực hành sử dụng ngoại ngữ. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.3. Phòng thực hành máy vi tính

Phòng thực hành máy vi tính là phòng dùng để dạy và học môn tin học cơ sở. Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun, tín chỉ khác có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm). Phòng được trang bị các máy vi tính có kết nối mạng và các loại thiết bị, học liệu để học, thực hành sử dụng máy vi tính và các phần mềm. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.4. Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Cụ thể người học sẽ được hướng dẫn và thực hành các kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh vô khuẩn tay thuốc, người bệnh,

môi trường, kỹ thuật tiêm truyền, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám bệnh, chăm sóc người bệnh, cho người bệnh uống thuốc, vệ sinh cho người bệnh... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

2.5 Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh. Người học sẽ được thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh; chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc làm các thủ thuật cấp cứu... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

2.6. Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh. Người học sẽ được thực hành các kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng người bệnh tại buồng bệnh, phụ giúp thầy thuốc thăm khám lâm sàng cho người bệnh... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

2.7. Phòng thực hành sản nhi và kế hoạch hóa gia đình

Đào tạo người học thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc làm thủ thuật sản phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình: khám phụ khoa, đỡ đẻ, thủ thuật đường âm đạo; kỹ thuật phá thai an toàn, kỹ thuật đặt vòng tránh thai, kỹ thuật tiêm cấy thuốc tránh thai... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.8. Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược

Đào tạo người học thực hành kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, phục hồi chức năng cho người bệnh.

Đào tạo người học nhận thức, hướng dẫn sử dụng được các nhóm thuốc đông y, tây y.

Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.9. Phòng thực hành giải phẫu

Giảng dạy thực hành giải phẫu các cơ quan trên cơ thể người: giải phẫu bộ xương, hệ cơ, thần kinh, các bộ phận trên cơ thể người... là cơ sở để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

2.10. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - ký sinh trùng

- Thực hành Sinh lý: giảng dạy thực hành thí nghiệm chứng minh các giả thuyết về bệnh từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng, chăm sóc và điều trị bệnh.

- Thực hành Hóa sinh: giảng dạy thực hành, tích hợp các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Hữu cơ cơ bản, các chất sống trong cơ thể người.

- Thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng: giảng dạy thực hành các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng:

+ Nghiên cứu các đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu tạo, di truyền,... của các vi sinh vật có lợi và có hại trong cơ thể người hoặc tác động đến cơ thể người.

+ Chẩn đoán bệnh vi sinh - ký sinh trùng nhằm giúp người bệnh có kết quả chính xác nhất về tình trạng bệnh đang mắc phải bằng các xét nghiệm Ký sinh trùng thông qua các dịch cơ thể, bệnh phẩm, ...

- Phục vụ các hoạt động nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các vi sinh vật đến cơ thể người để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị.

Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

2.11. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng

Giảng dạy thực hành các kỹ năng tuyên truyền, tư vấn giáo dục sức khỏe phòng chống dịch bệnh cho người dân. Thực hành các kỹ năng cấp cứu, chăm sóc sức khỏe người bệnh tại cộng đồng. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

3. Tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo phòng chức năng

3.1. Phòng học kỹ thuật cơ sở

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01

3.2. Phòng học ngoại ngữ

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khô điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khô điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	19
7	Tai nghe	Bộ	54
8	Máy scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01

3.3. Phòng thực hành máy vi tính

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	33
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phông chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01

3.4. Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng

- Số lượng phòng: 03

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	06

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
2	Máy vi tính	Bộ	01
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
4	Giường người bệnh	Chiếc	06
5	Chăn	Chiếc	06
6	Đệm	Chiếc	06
7	Đệm hơi, nước	Chiếc	06
8	Ga trải giường	Chiếc	06
9	Gối	Chiếc	06
10	Săng trải giường	Chiếc	06
11	Tấm lót	Chiếc	06
12	Tủ đầu giường	Chiếc	03
13	Cáng	Chiếc	03
14	Xe cáng người bệnh	Chiếc	02
15	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	02
16	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	05
17	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	09
18	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	100
19	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	33
20	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	16
21	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	120
22	Máy cạo râu	Chiếc	03
23	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	06
24	Máy khí rung	Chiếc	03
25	Máy sấy tóc	Chiếc	03
26	Bàn chải	Chiếc	03
27	Bàn chải mềm	Chiếc	10
28	Băng buộc	Chiếc	18
29	Băng chun	Cuộn	25
30	Băng cuộn	Cuộn	40
31	Băng Esmarch	Cuộn	20
32	Bảng phooc	Chiếc	05
33	Bảng tam giác	Chiếc	10
34	Bát và 2 thìa	Bộ	05
35	Bình làm ấm	Chiếc	05
36	Bình oxy	Chiếc	05
37	Bình phong	Chiếc	03
38	Bô	Chiếc	05
39	Bô dẹt	Chiếc	06
40	Bô vệt	Chiếc	06
41	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	10
42	Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)	Bộ	15
43	Bộ thử test đầu giường	Bộ	05
44	Bốc thụt	Chiếc	10
45	Bơm tiêm	Bộ	100

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 20 ml	Chiếc	50
	Loại 50 ml	Chiếc	50
46	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	03
47	Bóngambu	Chiếc	10
48	Ca	Chiếc	10
49	Cốc chia vạch	Chiếc	08
50	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	05
51	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	05
52	Cốc đựng thuốc	Chiếc	05
53	Cốc	Chiếc	10
54	Bình đựng nước nguội	Chiếc	05
55	Phích đựng nước nóng	Chiếc	05
56	Canuyn và khóa van	Bộ	08
57	Chậu	Chiếc	10
58	Chậu inox	Chiếc	03
59	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05
60	Dao mổ + cán dao	Chiếc	10
61	Dây cao su mềm	Chiếc	05
62	Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Chiếc	03
63	Dây dẫn lưu màng phổi	Chiếc	03
64	Dây dẫn lưu màng tim	Chiếc	03
65	Dây dẫn lưu ổ bụng	Chiếc	03
66	Dây garo và gói nhỏ	Bộ	06
67	Dây thở oxy 2 nhánh	Chiếc	07
68	Dây truyền	Chiếc	10
69	Đè lưỡi	Chiếc	10
70	Đèn cồn	Chiếc	03
71	Đèn soi thanh quản	Chiếc	10
72	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	10
73	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	10
74	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	10
75	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	10
76	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	10
77	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	10
78	Hộp tròn inox	Chiếc	10
79	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	10
80	Hộp tròn đựng bông cồn	Chiếc	10
	Kéo	Bộ	50
	Mỗi bộ bao gồm		
81	Kéo cong	Chiếc	10
	Kéo thẳng	Chiếc	10
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	10
	Kéo đầu tù	Chiếc	10

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
82	Kẹp phẫu tích	Chiếc	30
83	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	30
84	Khăn tắm	Chiếc	05
85	Khăn rửa mặt	Chiếc	06
86	Máng gội đầu	Chiếc	05
87	Khay chữ nhật	Chiếc	16
88	Khay hạt đậu	Chiếc	09
89	Kim chọc dò	Chiếc	10
90	Kim chọc dò Terumo	Chiếc	05
91	Kim chọc dò tủy sống	Chiếc	10
92	Kim khâu da	Chiếc	10
93	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	10
94	Kìm mang kim	Chiếc	10
95	Kìm mở miệng	Chiếc	10
96	Lọ đựng phân	Chiếc	05
97	Lược	Chiếc	05
98	Mask thở oxy	Chiếc	10
99	Mô hình đa năng	Bộ	03
100	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	10
101	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	08
102	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	10
103	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	10
104	Mô hình thụt tháo	Bộ	11
105	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	10
106	Mô hình tiêm mông	Bộ	08
107	Ống đong có chia vạch	Chiếc	03
108	Ống faucher	Chiếc	15
109	Ống nghe tim phổi	Chiếc	08
	Ống nghiệm	Bộ	17
110	Mỗi bộ gồm		
	Loại 20ml	Chiếc	05
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	05
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	05
111	Ống nội khí quản	Chiếc	30
112	Ống sonde Clini	Chiếc	20
113	Ống sonde Levin	Chiếc	20
114	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	30
115	Bộ panh	Bộ	40
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	10
	Loại cong không máu	Chiếc	10

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại thẳng có máu	Chiếc	10
	Loại thẳng không máu	Chiếc	10
116	Panh Farabeuf	Chiếc	06
117	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	06
118	Que bệt	Chiếc	03
119	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	10
120	Săng có lỗ	Chiếc	06
121	Săng mỡ	Chiếc	10
122	Sonde Catheter	Chiếc	10
123	Tạp dề	Chiếc	03
124	Thìa gạt	Chiếc	03
125	Trụ cắm panh inox	Chiếc	10
126	Túi chườm	Chiếc	33
127	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Túi	03
128	Vô đập đá	Chiếc	03
129	Xô	Chiếc	10
130	Thùng rác y tế	Chiếc	01
131	Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	09
132	Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	01

3.5. Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	03
4	Chăn	Chiếc	05
5	Đệm	Chiếc	03
6	Đệm hơi, nước	Chiếc	03
7	Ga trải giường	Chiếc	03
8	Gối	Chiếc	03
9	Săng trải giường	Chiếc	03
10	Tấm lót	Chiếc	03
11	Tủ đầu giường	Chiếc	03
12	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	33
13	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	15
14	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	03
15	Máy truyền dịch (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	05
16	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
17	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	04

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
18	Máy thở (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
19	Máy phá rung (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
20	Phế dung kế (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
21	Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	08
22	Máy tiêm tĩnh mạch	Chiếc	05
23	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	01
24	Đèn đọc phim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
25	Hệ thống khử khuẩn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
26	Bàn mổ tổng hợp (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
27	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản khó có màn hình Camera (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
28	Bộ đèn nội khí quản khó 3 lưới (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
29	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	03
30	Bàn chải mềm	Chiếc	03
31	Băng chun	Cuộn	04
32	Băng cuộn	Cuộn	06
33	Băng Esmarch	Cuộn	07
34	Bình làm ấm	Chiếc	04
35	Bình oxy	Chiếc	01
36	Bô	Chiếc	03
37	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	05
38	Bô dẹt	Chiếc	04
39	Bô vệt	Chiếc	04
40	Bộ thử test đầu giường	Bộ	02
41	Bơm tiêm	Bộ	10
	Trong đó		
	Loại 20 ml	Chiếc	05
	Loại 50 ml	Chiếc	05
42	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	01
43	Bóng ambu	Chiếc	05
44	Chậu	Chiếc	02
45	Cốc	Chiếc	05
46	Cốc đựng thuốc	Chiếc	05
47	Phích đựng nước nóng	Chiếc	06
48	Túi chườm	Chiếc	12

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
49	Vò đập đá	Chiếc	01
50	Cốc chia vạch	Chiếc	03
51	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05
52	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03
53	Dây garo và gôi nhỏ	Bộ	05
54	Dây truyền	Chiếc	15
55	Đè lưỡi	Chiếc	11
56	Đèn soi thanh quản	Chiếc	03
57	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	04
58	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	03
59	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	02
60	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	06
61	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	05
62	Hộp tròn inox	Chiếc	07
63	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	04
64	Kéo	Bộ	16
	Trong đó		
	Kéo cong	Chiếc	04
	Kéo thẳng	Chiếc	04
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	04
	Kéo đầu tù	Chiếc	04
65	Kẹp phẫu tích	Chiếc	05
66	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	05
67	Khăn tắm	Chiếc	03
68	Khay chữ nhật	Chiếc	05
69	Khay hạt đậu	Chiếc	05
70	Kim khâu da	Chiếc	10
71	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	10
72	Kìm mang kim	Chiếc	05
73	Kìm mở miệng	Chiếc	05
74	Mask thở oxy	Chiếc	05
75	Mô hình đa năng	Bộ	03
76	Ống faucher	Chiếc	10
77	Ống nghiệm	Bộ	05
	Trong đó		
	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	03
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	03
78	Ống nội khí quản	Chiếc	12
79	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	20
80	Bộ panh	Bộ	16
	Trong đó		
	Loại cong có máu	Chiếc	04

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại cong không máu	Chiếc	04
	Loại thẳng có máu	Chiếc	04
	Loại thẳng không máu	Chiếc	04
81	Trụ cắm panh inox	Chiếc	04
82	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	08
83	Săng có lỗ	Chiếc	05
84	Săng mỏ	Chiếc	03
85	Sonde Catheter	Chiếc	05
86	Ống sonde Levin	Chiếc	05
87	Tạp dề	Chiếc	01
88	Thìa gạt	Chiếc	03
89	Xô	Chiếc	02
90	Phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điển hình như: Thủng dạ dày, gãy xương,...	Bộ	01
91	Bộ tranh quy trình cấp cứu	Bộ	01

3.6. Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh

- Số lượng phòng: 03

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	03
3	Giường người bệnh	Chiếc	09
4	Chăn	Chiếc	09
5	Đệm	Chiếc	09
6	Đệm hơi, nước	Chiếc	03
7	Ga trải giường	Chiếc	09
8	Gối	Chiếc	09
9	Săng trải giường	Chiếc	06
10	Tấm lót	Chiếc	06
11	Tủ đầu giường	Chiếc	03
12	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	15
13	Đèn Clar	Chiếc	01
14	Loa soi tai	Chiếc	01
15	Đèn soi đáy mắt	Chiếc	01
16	Bàn khám và điều trị tai mũi họng đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	0
17	Bộ gối đỡ đầu cho người bệnh xạ trị (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	0
18	Bộ khám nội soi tai mũi họng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
19	Đèn đọc phim cộng hưởng từ 2 cửa (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
20	Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	0
21	Máy kiểm soát nhiệt độ người bệnh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
22	Máy theo dõi người bệnh 5 thông số (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
23	Máy cạo râu	Chiếc	01
24	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	04
25	Máy khí rung	Chiếc	01
26	Máy sấy tóc	Chiếc	03
27	Bàn chải	chiếc	12
28	Băng chun	Cuộn	15
29	Băng cuộn	Cuộn	20
30	Bảng đo thị lực	Chiếc	06
31	Băng Esmarch	Cuộn	03
32	Bát và 2 thìa	Bộ	03
33	Bình phong	Chiếc	03
34	Bô	Chiếc	06
35	Bô dẹt	Chiếc	06
36	Bô vít	Chiếc	05
37	Bóc thụt	Chiếc	06
38	Bộ thử test đầu giường	Bộ	05
39	Bơm tiêm	Bộ	20
	Trong đó:		
	Loại 20 ml	Chiếc	10
	Loại 50 ml	Chiếc	10
40	Ca	Chiếc	06
41	Bình đựng nước nguội	Chiếc	03
42	Canuyn và khóa van	Chiếc	06
43	Chậu	Chiếc	06
44	Chậu inox	Chiếc	01
45	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	06
46	Cốc	Chiếc	03
47	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	06
48	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	15
49	Dây cao su mềm	Chiếc	03
50	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	15
51	Dây truyền	Chiếc	20
52	Đè lưỡi	Chiếc	06
53	Dụng cụ đo nhãn áp	Chiếc	06
54	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	06
55	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	06

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
56	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	06
57	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	06
58	Hộp tròn đựng bông côn	Chiếc	06
59	Hộp tròn inox	Chiếc	06
60	Kéo	Bộ	20
	Trong đó:		
	Kéo cong	Chiếc	05
	Kéo thẳng	Chiếc	05
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	05
	Kéo đầu tù	Chiếc	05
61	Kẹp gấp	Chiếc	03
62	Kẹp phẫu tích	Chiếc	10
63	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	10
64	Khăn rửa mặt	Chiếc	06
65	Gương + cán gương	Chiếc	06
66	Lược	Chiếc	06
67	Máng gội đầu	Chiếc	06
68	Khay chữ nhật	Chiếc	15
69	Khay hạt đậu	Chiếc	15
70	Kìm mở miệng	Chiếc	09
71	Ống nghe tim phổi	Chiếc	30
72	Ống sonde Clini	Chiếc	03
73	Ống sonde Levin	Chiếc	15
74	Bộ panh	Bộ	20
	Trong đó		
	Loại cong có máu	Chiếc	05
	Loại cong không máu	Chiếc	05
	Loại thẳng có máu	Chiếc	05
	Loại thẳng không máu	Chiếc	05
75	Panh mở mũi	Chiếc	01
76	Trụ cắm panh inox	Chiếc	06
77	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	06
78	Que bệt	Chiếc	01
79	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	06
80	Săng có lỗ	Chiếc	06
81	Săng mỡ	Chiếc	06
82	Thám châm	Chiếc	06
83	Xô	Chiếc	09

3.7. Phòng thực hành sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
4	Chăn	Chiếc	01
5	Ga trải giường	Chiếc	01
6	Gối	Chiếc	01
7	Đệm	Chiếc	01
8	Tủ đầu giường	Chiếc	02
9	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	07
10	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
11	Bàn khám phụ khoa	Bộ	02
12	Đèn khám phụ khoa	Chiếc	06
13	Bàn đẻ	Chiếc	04
14	Máy Monitor sản khoa (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
15	Cân trẻ em sơ sinh	Chiếc	02
16	Lồng áp sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
17	Máy đo huyết áp trẻ em	Chiếc	01
18	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
19	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	01
20	Thiết bị hút thai chân không (1 van, 2 van)	Bộ	01
21	Bồn rửa tay tiết trùng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
22	Dàn đèn điều trị vàng da trẻ sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	
23	Máy thở trẻ em (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	
24	Bếp từ đơn	Chiếc	03
25	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	01
26	Máy thử nước tiểu 10 thông số	Chiếc	01
27	Máy xay sinh tố	Chiếc	01
28	Bình oxy	Chiếc	01
29	Bóc + dây cao su	Bộ	03
30	Chậu tắm trẻ sơ sinh	Chiếc	02
31	Cốc	Chiếc	03
32	Cốc chia vạch	Chiếc	03
33	Cốc đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	03
34	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03
35	Dây nối hồi sức sơ sinh	Chiếc	03
36	Đèn sưởi ấm	Chiếc	03
37	Đũa, thìa	Chiếc	03
38	Dụng cụ tử cung Mirena	Chiếc	03
39	Dụng cụ tử cung Multiload	Chiếc	03
40	Dụng cụ tử cung TCu 380A	Chiếc	03
41	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	03
42	Hộp đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	03
43	Hộp đựng kim loại có nắp kín	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
44	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	07
45	Kéo	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	01
	Kéo thẳng	Chiếc	01
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01
	Kéo đầu tù	Chiếc	01
46	Kéo cắt móng tay có nắp bảo vệ	Chiếc	03
47	Bộ Kẹp	Bộ	03
	Mỗi bộ gồm		
	Kẹp cố định thùng tinh	Chiếc	01
	Kẹp cố tử cung	Chiếc	01
	Kẹp hình tim	Chiếc	15
	Kẹp kim	Chiếc	06
	Kẹp sãng	Chiếc	01
	Kẹp sát khuẩn	Chiếc	16
	Kẹp thẳng	Chiếc	01
Kẹp tròn	Chiếc	01	
48	Kẹp phẫu tích	Chiếc	25
49	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	03
50	Khay chữ nhật	Chiếc	04
51	Khay hạt đậu	Chiếc	12
52	Kim 3 cạnh	Chiếc	03
53	Kim khâu (tròn, 3 cạnh)	Chiếc	03
54	Kìm mang kim	Chiếc	03
55	Lược mềm	Chiếc	04
56	Mặt nạ, bóp bóng	Bộ	03
57	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	01
58	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	01
59	Mô hình khung chậu nữ	Bộ	01
60	Mô hình phát triển của trứng và bào thai	Bộ	01
61	Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9	Bộ	01
62	Mô hình thai nhi đủ tháng	Bộ	01
63	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
64	Mỏ vịt	Chiếc	20
65	Móc dụng cụ tử cung	Chiếc	03
66	Móc vòi trứng	Chiếc	03
67	Nĩa (không máu + có máu)	Chiếc	03
68	Nôi	Chiếc	03
69	Nong cổ tử cung các số	Bộ	03
70	Ống hút nhớt	Chiếc	03
71	Ống nghe tim thai	Chiếc	10
72	Bộ panh	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Loại cong không mẫu	Chiếc	01
	Loại thẳng có mẫu	Chiếc	01
	Loại thẳng không mẫu	Chiếc	01
73	Panh Farabeuf	Chiếc	03
74	Trụ cắm panh inox	Chiếc	09
75	Quả hút mũi	Chiếc	03
76	Thìa	Chiếc	03
77	Thìa gạt	Chiếc	03
78	Thìa nạo (đặc + rộng)	Chiếc	03
79	Thước đo buồng tử cung	Chiếc	03
80	Thước đo khung chậu	Chiếc	10
81	Van âm đạo	Chiếc	21
82	Bộ tranh về giải phẫu, sinh lý sinh dục nam, nữ, quá trình thai nghén, vệ sinh phụ nữ, dân số kế hoạch hóa gia đình,...	Bộ	01
83	Bộ tranh quy trình chuyên môn, bảng quản lý thai nghén, túi đựng phiếu khám thai	Bộ	01

3.8. Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	01
4	Gối	Chiếc	04
5	Tủ thuốc đông y	Chiếc	01
6	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	04
7	Máy điện châm	Chiếc	06
8	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
9	Tủ đựng thuốc tây y	Chiếc	01
10	Tủ lạnh	Chiếc	01
11	Máy xoa bóp	Chiếc	10
12	Ấm sắc thuốc đông y	Bộ	02
13	Máy kéo cột sống (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
14	Máy sóng ngắn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
15	Máy điện phân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
16	Máy tập đi bộ (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
17	Xe đạp tập chân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
18	Đèn hồng ngoại	Chiếc	01
19	Bàn vận động (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
20	Xe lăn	Chiếc	01
21	Khung tập đi	Bộ	01
22	Tạ tay	Bộ	03
23	Đệm vận động cột sống lưng	Chiếc	01
24	Giường chăm sóc người bệnh đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
25	Máy điện châm đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
26	Tượng các huyết	Chiếc	01
27	Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền	Bộ	02
28	Kim châm cứu	Bộ	01
29	Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc	Chiếc	01
30	Chậu	Chiếc	01
31	Cốc	Chiếc	01
32	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	09
33	Khăn tắm	Chiếc	02
34	Khay chữ nhật	Chiếc	01
35	Bộ panh	Bộ	02
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
36	Phích đựng nước nóng	Chiếc	01
37	Trụ cắm panh inox	Chiếc	02
38	Túi chườm	Chiếc	01
39	Vò đập đá	Chiếc	01
40	Bộ tranh các huyết đông y	Bộ	02
41	Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	01

3.9. Phòng thực hành giải phẫu

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02
3	Bảng phooc	Chiếc	02
4	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	04
5	Mô hình hộp sọ	Bộ	04
6	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ	04
7	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ	02
8	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	Bộ	02
9	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	04
10	Mô hình cơ cánh tay	Bộ	04
11	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	04
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
13	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	04
14	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	04
15	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	06
16	Mô hình tim	Chiếc	05
17	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	02
18	Mô hình phổi	Chiếc	06
19	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	04
20	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	03
21	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	05
22	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	03
23	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	03
24	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
25	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	03
26	Mô hình mắt	Bộ	04
27	Mô hình da phóng đại	Chiếc	03
28	Mô hình tai phóng đại	Chiếc	04
29	Mô hình não	Chiếc	05
30	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	05
31	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	04
32	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	04
33	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	04
34	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	03
35	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	01
36	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
37	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01
38	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ	01
39	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	04
40	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	04
41	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	04
42	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	01
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	04
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	04
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	04
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	01
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	04
48	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	04
49	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	04
50	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ	01

3.10. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - ký sinh trùng

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	06

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
4	Máy li tâm	Chiếc	01
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
8	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	01
9	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	01
10	Nồi hấp	Chiếc	01
11	Cân kỹ thuật	Chiếc	01
12	Nồi cách thủy	Chiếc	01
13	Tủ âm	Chiếc	01
14	Bộ bình cầu	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
15	Bộ bình nón	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
16	Bô	Chiếc	01
17	Cốc	Chiếc	01
18	Cốc có mỏ	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 50ml	Chiếc	01
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
19	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	01
20	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	01
21	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	01
22	Giá để tiêu bản	Chiếc	01
23	Gối	Chiếc	01
24	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	01
25	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	01
26	Khay chữ nhật	Chiếc	01
27	Khay chứa máu	Chiếc	01
28	Khay hạt đậu	Chiếc	01
29	Kim lấy máu	Chiếc	01
30	Lá kính (lamen)	Chiếc	01
31	Lọ đựng phân	Chiếc	01
32	Ống đong có chia vạch	Chiếc	01
33	Ống nghiệm	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mỗi bộ gồm		
	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	01
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	01
	Bộ panh	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
34	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
35	Trụ cắm panh inox	Chiếc	01
36	Pipet	Chiếc	01
37	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	01
38	Bộ tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét,...	Bộ	01
39	Bộ tiêu bản mẫu các loại trùng, ấu trùng giun, sán, đơn bào, trùng roi, trùng lông, a míp, nấm	Bộ	01
40	Bộ tiêu bản mẫu vi khuẩn, virus thường gặp: lao, lậu, tụ cầu, tụ khuẩn, nhiễm sắc thể, tế bào,...	Bộ	01
41	Bộ tranh/đĩa CD-ROM về các loại vi khuẩn, virus, vi sinh vật, phân bào, tế bào thần kinh, tế bào cơ,... và các loại giun, sán lá, ký sinh trùng sốt rét, côn trùng truyền bệnh,...	Bộ	01

3.11. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy quay camera	Bộ	01
4	Tủ lạnh	Chiếc	01
5	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
6	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	01
7	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
8	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	01
9	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	01
10	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	01
11	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
12	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
13	Giường người bệnh	Chiếc	01
14	Chăn	Chiếc	01
15	Đệm	Chiếc	01
16	Ga trải giường	Chiếc	01
17	Gối	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
18	Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở	Túi	01
19	Bộ tranh về nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích	Bộ	01
20	Bộ tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...	Bộ	01
21	Bộ tranh về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...	Bộ	01
22	Bộ tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	01
23	Bộ tranh mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	01
24	Bộ tranh mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Bộ	01
25	Bộ tranh mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	01

II. NHÀ GIÁO

- Tổng số nhà giáo Liên thông trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng: 155
- Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 500/155
- Danh sách nhà giáo

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
1	Phạm Thị Ngọc Diệp	Thạc sỹ Sinh học	x		Sinh học di truyền
2	Tạ Phương Thùy	Thạc sỹ Sinh học	x		Sinh học di truyền
3	Hoàng Thị Thúy Hằng	Tiến sỹ Sinh học	x		Sinh học di truyền
4	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ Y học	x		Giải phẫu - Sinh lý; Sinh lý bệnh
5	Nguyễn Văn Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		Giải phẫu - Sinh lý; Sinh lý bệnh
6	Ngô Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Hóa sinh
7	Nguyễn Thị Hà Giang	Bác sỹ YHDP	x		Hóa sinh
8	Lê Thị Huyền Trang	Bác sỹ YHDP	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
9	Ngô Thị Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh
10	Đinh Đức Thọ	Cử nhân Kỹ Thuật Y học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh
11	Đào Thị Huệ	CK I xét	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		nghiệm			
12	Triệu Thị Dung	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
13	Bùi Thị Quỳnh Nga	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
14	Bùi Thị Tuyết Lan	Thạc sỹ dược học	x		Dược lý
15	Đỗ Thị Huyền Trang	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
16	Dương Thị Phương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
17	Dương Thị Thúy Ngân	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
18	Hồ Lương Nhật Vinh	Thạc sỹ dược học	x		Dược lý
19	Hoàng Hải Yến	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
20	Hoàng Thị Kim Luyến	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
21	Hoàng Thu Trang	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
22	Lê Thanh Liêm	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
23	Lê Thanh Nghị	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
24	Lê Thị Nhật Ánh	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
25	Lê Thu Hoài	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
26	Lương Đức Thịnh	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
27	Lý Thu Thương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
28	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
29	Nguyễn Thị Hoài	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
30	Nguyễn Thị Mười	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
31	Nguyễn Thị Thắng	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
32	Trần Thị Thu Huyền	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
33	Triệu Hải	Dược sỹ CKI	x		Dược lý
34	Vũ Thị Nguyên	Dược sỹ đại học	x		Dược lý

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
35	Vũ Thị Thùy Dương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
36	Cao Hoàng Hải	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
37	Lưu Thị Hồng Vân	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
38	Trần Diệu Linh	Dược sỹ trung học	x		Dược lý
39	Nguyễn Thu Hằng	ĐD Chuyên Khoa I	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2
40	Trần Thị Kim Ngân	ĐD Chuyên Khoa I	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2
41	Vũ Thị Thanh Huyền	ĐD Chuyên Khoa I	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2
42	Bùi Văn Khanh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2
43	Mai Thị Vân Hằng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Nghiên cứu điều dưỡng
44	Nguyễn Thị Thanh Thảo	ĐD Chuyên Khoa I	x		Nghiên cứu điều dưỡng
45	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân Điều dưỡng	x		Nghiên cứu điều dưỡng
46	Nguyễn Thị Kim Thúy	Cử nhân Điều dưỡng	x		Nghiên cứu điều dưỡng
47	Nguyễn Thị Nga	Cử nhân Điều dưỡng	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
48	Nguyễn Thị Thúy Hoa	ĐD Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
49	Nguyễn Thị Xoan	Cử nhân Điều dưỡng	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
50	Phạm Thị Hải Giang	Cử nhân Điều dưỡng	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
51	Phạm Thị Vân Anh	Cử nhân Điều dưỡng	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2; Thực tập tốt nghiệp
52	Sái Thị Hải Yến	Cử nhân Điều dưỡng	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2; Thực tập tốt nghiệp
53	Vũ Thị Hồng Đông	Cử nhân Điều dưỡng	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2; Thực tập tốt nghiệp
54	Lê Quỳnh Hoa	Cử nhân điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Thực tập tốt nghiệp
55	Triệu Thị Dung	Cử nhân Điều dưỡng	x		Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2
56	Dương Thị Tố Anh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Kiểm soát nhiễm khuẩn
57	Lê Thị Phương Thảo	ĐD Chuyên Khoa I	x		Quản lý Điều dưỡng; Kiểm soát nhiễm khuẩn
58	Trần Thị Khuyên	ĐD Chuyên	x		Quản lý Điều dưỡng; Kiểm soát

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Khoa I			nhuộm khuẩn
59	Trịnh Thị Minh Phương	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Kiểm soát nhiễm khuẩn
60	Nguyễn Phương Minh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Kiểm soát nhiễm khuẩn
61	Nguyễn Thị Mai Hương	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng
62	Khúc Thị Tuyết Hường	Thạc sỹ Y học	x		Dinh dưỡng tiết chế; Thực tập cộng đồng
63	Nguyễn Thanh Hòa	Bác sỹ YHDP	x		Giáo dục sức khỏe; Dinh dưỡng tiết chế; Thực tập cộng đồng
64	Nguyễn Văn Quang	Bác sỹ YHDP	x		Giáo dục sức khỏe; Dinh dưỡng tiết chế; Thực tập cộng đồng
65	Trần Ngọc Thúy	Thạc sỹ Y học	x		Giáo dục sức khỏe; Dinh dưỡng tiết chế; Thực tập cộng đồng
66	Lê Hải Yến	Thạc sỹ YTCC	x		Giáo dục sức khỏe; Dinh dưỡng tiết chế
67	Nguyễn Đức Toàn	Bác sỹ YHDP	x		Giáo dục sức khỏe; Dinh dưỡng tiết chế
68	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sỹ Y học	x		Giáo dục sức khỏe
69	Muru Thị Lệ	Bác sỹ đa khoa	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm; Thực hành chăm sóc người bệnh truyền nhiễm
70	Lương T. Lan Phương	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm; Thực hành chăm sóc người bệnh truyền nhiễm
71	Mai Hoàng Anh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm; Thực hành chăm sóc người bệnh truyền nhiễm
72	Hoàng Việt Ngọc	BS Chuyên Khoa II	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
73	Lương Trung Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
74	Nông Thị Tuyền	Thạc sỹ Y học	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
75	Phùng Thị Tuyết Nga	Thạc sỹ Y học	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
76	Vương Thị Hồng Thúy	Bác sỹ đa khoa	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
77	Bùi Thị Hương Quỳnh	CN Y tế công cộng	x		Sức khỏe và môi trường
78	Hoàng Tư Nghĩa	Bác sỹ YHDP	x		Sức khỏe và môi trường
79	Ngô Thị Trang	Bác sỹ YHDP	x		Sức khỏe và môi trường
80	Nguyễn Minh Tuấn	PGS -TS Y	x		Tổ chức y tế - Y đức

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		học			
81	Bùi Duy Hưng	Thạc sỹ Y học	x		Tổ chức y tế - Y đức
82	Hoàng Anh Tuấn	Tiến sỹ Y học	x		Tổ chức y tế - Y đức
83	Vũ Trung Anh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Nội khoa
84	Nguyễn Thảo Quỳnh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Nội khoa
85	Dương Ngọc Thúy	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Nội khoa
86	Hoàng Thị Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
87	Lê Thị Hà Giang	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
88	Dương Thúy Quỳnh	Bác sỹ đa khoa	x		Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
89	Vũ Thu Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa
90	Bé Thu Hà	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa
91	Nguyễn Kim Thành	BS Chuyên Khoa II	x		Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa
92	Nguyễn Giang Nam	Thạc sỹ Y học	x		CSSK người lớn bệnh Nội khoa, CSSK tâm thần
93	Nguyễn Minh Chung	Cử nhân Điều dưỡng	x		CSSK người lớn bệnh Nội khoa; CSSK tâm thần
94	Trần Văn Lợi	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		CSSK người lớn bệnh ngoại khoa
95	Trần Việt Anh	Bác sỹ đa khoa	x		CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
96	Nguyễn Anh Tú	Thạc sỹ	x		CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
97	Hoàng Việt Thái	Cử nhân Điều dưỡng	x		CSSK người lớn bệnh ngoại khoa
98	Đinh Ngọc Hoàng	BS Chuyên Khoa I	x		CSSK người lớn bệnh ngoại khoa
99	Đào Trọng Tuyên	Thạc sỹ Y học	x		CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
100	Lê Hoài Nam	Thạc sỹ Y học	x		CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
101	Hoàng Thị Oanh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
102	Dương Quang Thiều	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
103	Hoàng Anh Ngọc	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
104	Nguyễn Thị Ánh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
105	Phạm Thị Hà	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa
106	Nguyễn Thị Nha Trang	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK trẻ em
107	Hoàng Thị Đan	Bác sỹ đa khoa	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
108	Hoàng Thị Phương Thanh	Bác sỹ đa khoa	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
109	Nguyễn Thị Hồng	Bác sỹ đa khoa	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
110	Chu Thị Thùy Linh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
111	Nguyễn Đức Quế	ĐD Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
112	Lê Thị Hoa	ĐD Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
113	Đào Minh Tuyết	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
114	Phan Thanh Ngọc	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
115	Nguyễn Thị Hoa	Bác sỹ đa khoa	x		Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
116	Nguyễn Thu Trang	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK trẻ em
117	Phạm Thị Phượng	Cử nhân Hộ sinh	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
118	Trần Thị Lệ	Bác sỹ đa khoa	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
119	Nguyễn Thị Lập	Bác sỹ đa khoa	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
120	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
121	Hoàng Thị Thương	CD Điều dưỡng	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
122	Vương Diệu Hương	ĐD Chuyên Khoa I	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
123	Nguyễn Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình
124	Bùi Thị Thu Hằng	Thạc sỹ Y học	x		CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình; Thực hành Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình
125	Lộc Trịnh Tú Hà	CD Hộ sinh	x		Thực hành Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
126	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Bác sỹ YHCT	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
127	Phan Việt Nga	Bác sỹ đa khoa	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
128	Lường Thị Thời	ĐD Chuyên khoa I	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
129	Nguyễn Xuân Tùng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
130	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thạc sỹ Y học	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
131	Nguyễn Hoa Ngân	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
132	Dương Trọng Tấn	Cử nhân Điều dưỡng	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
133	Lương Thị Viên	Cử nhân	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
134	Hoàng Việt Dũng	Thạc sỹ Y học	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
135	Đào Thị Dân	BS Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
136	Dương Thị Quyên	Bác sỹ YHCT	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
137	Nguyễn Xuân Huỳnh	Bác sỹ YHCT	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
138	Trần Thị Hải	Bác sỹ YHCT	x		Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng; Thực hành Chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng
139	Nguyễn Bá Thắng	Thạc sỹ	x		Điều dưỡng chuyên khoa
140	Dương Ngọc Trang	Bác sỹ đa khoa	x		Điều dưỡng chuyên khoa
141	Dương Ngọc Anh	BS Chuyên Khoa I	x		Điều dưỡng chuyên khoa
142	Huỳnh Phước Điền	BS Chuyên Khoa I	x		Điều dưỡng chuyên khoa
143	Lê Thị Bình	Bác sỹ đa khoa	x		Điều dưỡng chuyên khoa
144	Nguyễn Thị Thu Hường	Thạc sỹ	x		Tiếng anh chuyên ngành
145	Dương Thị Thanh Hoà	Cử nhân Trung Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
146	Vũ Thị Hòa	Thạc sỹ	x		Tiếng anh chuyên ngành

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Tiếng Anh			
147	Vũ Thị Hồng Nhung	Cử nhân Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
148	Cầm Thị Kiều Anh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
149	Hoàng Thị Thu Hoài	Thạc sỹ Tiếng anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
150	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
151	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
152	Nguyễn Thị Mai Lương	Cử Nhân Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
153	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
154	Phạm Thị Thủy	Cử nhân Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành
155	Phạm Thị Việt Hà	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh chuyên ngành

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Tên ngành: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề trở lên

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng viên là nhân lực trực tiếp cho các công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người, có năng lực hành nghề đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt nam tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu điều dưỡng; có khả năng sáng tạo, tự hoàn thiện bản thân và học tập suốt đời để thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày và áp dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để nhận biết về cấu trúc và chức năng của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý.

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về dược lý, dinh dưỡng, bệnh học, tâm lý con người, giao tiếp trong thực hành chăm sóc để nhận định tình trạng người bệnh toàn diện (CNL3,4).

- Trình bày được các nguyên tắc cơ bản về quy trình chăm sóc, chẩn đoán điều dưỡng, quản lý điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng trong nghiên cứu điều dưỡng.

- Trình bày được các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

1.2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh toàn diện, đưa ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu chăm sóc của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng (CNL1, 2).

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng vào chăm sóc từ việc nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, các vấn đề ưu tiên để lập kế hoạch và đưa ra các can thiệp điều dưỡng dựa vào tình trạng sức khỏe của mỗi người bệnh (CNL3,4).

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, phối hợp và phụ giúp với bác sỹ thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng phức tạp theo đúng quy trình đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh. Quản lý sử dụng thuốc cho NB đảm bảo an toàn, đúng quy định của Bộ Y tế về sử dụng và quản lý thuốc (CNL5,6,7,8,15).

- Phát hiện sớm và nhận định đúng để thực hiện các sơ cứu, cấp cứu ban đầu kịp thời các tình huống cấp cứu khẩn cấp xảy ra tại cơ sở y tế và cộng đồng (CNL9).

- Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp hiệu quả, các kênh và phương tiện truyền thông phù hợp để cung cấp thông tin, xác định nhu cầu và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng (CNL 10,11,12,13,14).

- Có khả năng quản lý công việc, điều phối các hoạt động và phối hợp tốt với các thành viên khác làm việc theo đội. Quản lý và sử dụng hiệu quả hồ sơ bệnh án, các trang thiết bị y tế và các nguồn lực khác để đảm bảo an toàn, chất lượng chăm sóc (CNL 15,16,17,18).

- Có khả năng nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Điều dưỡng, áp dụng các kết quả nghiên cứu trong thực hành chăm sóc để nâng cao chất lượng chăm sóc (CNL22).

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản để giao tiếp trong các tình huống cơ bản của cuộc sống. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết công việc và đưa ra quyết định trong các tình huống thực tế tại lâm sàng. Có khả năng hướng dẫn, giám sát và đánh giá hoàn thành công việc của các thành viên trong nhóm.

- Thực hiện hành nghề theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, các quy chế chuyên môn để thiết lập môi trường làm việc an toàn, nâng cao chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc (CNL 20, 21,24,25).

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu trở thành điều dưỡng viên tại các cơ sở y tế, khám chữa bệnh từ các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, tuyến huyện, các trạm y tế xã, phường, y tế trường học, các trung tâm dự phòng và viện điều dưỡng của nhà nước hoặc tư nhân trong và ngoài nước.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 33
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 90 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 0
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2355 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 708 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1529 giờ

3. Nội dung chương trình

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I		Các môn học, mô đun chuyên môn					
I.1		Môn học, mô đun cơ sở					
1	MH7	Sinh học di truyền	2	30	28	0	2
2	MH38	Giải phẫu- Sinh lý	3	60	29	28	3
3	MĐ2	Hoá sinh	2	45	14	28	3
4	MĐ3	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	28	3
5	MH8	Sinh lý bệnh	2	45	14	28	3
6	MH9	Dược lý	3	45	43	0	2
7	MĐ4	Điều dưỡng cơ sở 1	5	120	29	87	4
8	MĐ5	Điều dưỡng cơ sở 2	5	120	29	87	4
9	MH10	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	28	0	2
10	MH11	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	30	28	0	2
11	MH12	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
12	MH13	Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2
13	MH14	Sức khỏe và môi trường	2	30	28	0	2
14	MH15	Tổ chức y tế - Y đức	2	30	28	0	2
		Tổng	36	688	367	286	35
I.2		Môn học, mô đun chuyên môn					
15	MH16	Quản lý điều dưỡng	2	30	28	0	2
16	MH17	Nghiên cứu Điều dưỡng	2	45	14	28	3
17	MH18	Chăm sóc giảm đau	2	30	28	0	2
18	MH19	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	75	43	28	4
19	MH20	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	45	43	0	2
20	MH21	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	45	43	0	2
21	MH22	Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu	2	30	28	0	2

TT	Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
22	MH23	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	45	43	0	2
23	MH24	Chăm sóc người bệnh Phục hồi chức năng	2	30	28	0	2
24	MH25	Y học cổ truyền	2	45	14	28	3
25	MH26	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa (Thực hành lâm sàng Nội)	4	180	0	172	8
26	MH27	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa (Thực hành lâm sàng Ngoại)	4	180	0	172	8
27	MH28	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em (Thực hành lâm sàng Nhi)	4	180	0	172	8
28	MH29	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình (Thực hành lâm sàng Sản)	2	90	0	84	6
29	MH30	Thực hành chăm sóc người bệnh truyền nhiễm (Thực hành lâm sàng Truyền nhiễm)	3	135	0	129	6
30	MH31	Thực hành chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng	2	90	0	86	4
31	MH32	Thực tập cộng đồng	2	90	0	86	4
32	MH33	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	258	12
		Tổng	52	1635	312	1243	80
II.3		Môn học, mô đun tự chọn					
33a	MH34	<i>Điều dưỡng chuyên khoa</i>	2	30	28	0	2
33b	MH35	<i>CSSK tâm thần</i>	2	30	28	0	2
33c	MH36	<i>Tiếng anh chuyên ngành</i>	2	30	28	0	2
33d	MH37	<i>Vật lý trị liệu</i>	2	30	28	0	2
		Tổng	2	30	28	0	2
		Tổng toàn chương trình	90	2355	708	1529	118

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo

đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thực hiện theo thông tư 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành Điều dưỡng theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn